

Số: 2715/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 18 tháng 12 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc tạm giao biên chế công chức và số lượng người làm việc năm 2024

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tạm giao biên chế công chức, số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Quảng Nam năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2803/TTr-SNV ngày 14/12/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; tổng số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập, hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2024.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm).

**Điều 2.** Giao bổ sung biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2022 - 2023 đối với các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh ngoài số lượng người làm việc giao tại Điều 1 Quyết định này.

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).

**Điều 3.** Căn cứ vào biên chế công chức và số lượng người làm việc được giao:

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch các Hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quyết định phân bổ biên chế công chức cho các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc cho các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ và quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc tại đơn vị, địa phương theo đúng quy định. Đồng thời, thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 18/11/2022 của Tỉnh ủy Quảng Nam về tinh giản biên chế và sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026; đẩy mạnh thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Nội vụ, Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, sử dụng biên chế, số lượng người làm việc và quỹ tiền lương được giao theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch các Hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS (A).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Lê Trí Thanh**



**Phụ lục I**

**BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TẠM GIAO NĂM 2024**

*Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 18/12/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

TT	Đơn vị	Biên chế tạm giao năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>1,396</b>	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	64	
2	Sở Nội vụ	69	
3	Ban Dân tộc	20	
4	Thanh tra tỉnh	37	
5	Sở Tư pháp	31	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54	
7	Sở Tài chính	63	
8	Sở Giao thông vận tải	56	
9	Sở Công Thương	52	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	440	
11	Sở Xây dựng	37	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	69	
13	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	26	
15	Sở Ngoại vụ	17	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	33	
17	Sở Y tế	60	
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	63	
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	
20	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và các Ban thuộc HĐND tỉnh	10	
	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31	
21	BQL các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	45	

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Biên chế tạm giao năm 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	3	
<b>II</b>	<b>UBND huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>1,724</b>	
1	Tam Kỳ	113	
2	Hội An	112	
3	Điện Bàn	114	
4	Thăng Bình	105	
5	Núi Thành	107	
6	Đại Lộc	100	
7	Duy Xuyên	100	
8	Quế Sơn	91	
9	Phú Ninh	90	
10	Tiên Phước	91	
11	Hiệp Đức	89	
12	Bắc Trà My	90	
13	Nam Trà My	90	
14	Phước Sơn	90	
15	Nam Giang	90	
16	Đông Giang	90	
17	Tây Giang	90	
18	Nông Sơn	72	
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>6</b>	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3,126</b>	



## Phụ lục II

### TẠM GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2024

#### ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA ĐƯỢC GIAO QUYỀN TỰ CHỦ

(Theo Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) giao năm 2024	Trong đó									
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp			
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	UBND huyện, thị xã, thành phố	21,225	21,168	20,364	-	326	478	57	-	-	6	51
1	Tam Kỳ	1,386	1,383	1,329		26	28	3			3	-
2	Hội An	1,103	1,103	1,080			23	-			-	-
3	Điện Bàn	2,470	2,470	2,419		16	35	-			-	-
4	Thăng Bình	2,199	2,197	2,138		22	37	2			-	2
5	Núi Thành	1,786	1,784	1,751		18	15	2			2	-
6	Đại Lộc	1,875	1,867	1,822		18	27	8			-	8
7	Duy Xuyên	1,541	1,541	1,502		19	20	-			-	-
8	Quế Sơn	1,093	1,093	1,052		15	26	-			-	-
9	Phú Ninh	961	957	909		17	31	4			-	4
10	Tiên Phước	1,124	1,114	1,075		18	21	10			-	10
11	Hiệp Đức	711	711	683		16	12	-			-	-
12	Bắc Trà My	1,064	1,046	983		25	38	18			-	18

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) giao năm 2024	Trong đó									
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp			
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Nam Trà My	861	859	808		22	29	2			-	2
14	Phước Sơn	662	660	613		22	25	2			-	2
15	Nam Giang	710	708	665		17	26	2			-	2
16	Đông Giang	643	643	596		17	30	-			-	-
17	Tây Giang	581	581	527		23	31	-			-	-
18	Nông Sơn	455	451	412		15	24	4			1	3
<b>II</b>	<b>Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh</b>	<b>8,095</b>	<b>6,251</b>	<b>3,224</b>	<b>2,539</b>	<b>140</b>	<b>348</b>	<b>1,844</b>	<b>-</b>	<b>1,809</b>	<b>12</b>	<b>23</b>
1	Văn phòng UBND tỉnh	12	12				12	-				-
2	Sở Nội vụ	15	13				13	2				2
3	Sở Tư pháp	36	35				35	1				1
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	19				19	-				-
5	Sở Giao thông vận tải	6	6				6	-				-
6	Sở Công Thương	19	17				17	2				2
7	Sở Nông nghiệp và PTNT	94	90				90	4				4
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	25	21				21	4				4
9	Sở Văn hoá, TT và Du lịch	176	164	24		140		12			12	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	13				13	7				7

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) giao năm 2024	Trong đó									
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị				
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp			
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Sở Y tế	4,341	2,532		2,532			1,809		1,809		
12	Sở Giáo dục và Đào tạo	3,200	3,200	3,200				-	-			
13	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	132	129		7		122	3				3
<b>III</b>	<b>Đơn vị trực thuộc tỉnh</b>	<b>730</b>	<b>204</b>	<b>62</b>	<b>-</b>	<b>84</b>	<b>58</b>	<b>526</b>	<b>501</b>	<b>-</b>	<b>22</b>	<b>3</b>
1	BQL các Khu kinh tế và khu công nghiệp tỉnh	15	15				15	-				
2	BQL Vườn QG Sông Thanh	31	28				28	3				3
3	Đài Phát thanh - Truyền hình	106	84			84		22			22	
4	Trường Đại học Quảng Nam	162	-					162	162			
5	Trường Cao đẳng Quảng Nam	276	-					276	276			
6	Trường Cao đẳng Y tế	125	62	62				63	63			
7	Tinh đoàn Quảng Nam (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh đoàn)	15	15				15	-				
<b>IV</b>	<b>Hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</b>	<b>55</b>	<b>55</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>55</b>					
1	Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật	5	5				5					

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng số lượng người làm việc (biên chế viên chức) giao năm 2024	Trong đó										
			Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước					Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị					
			Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				Biên chế viên chức	Chia ra, lĩnh vực sự nghiệp				
				Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác		Giáo dục-đào tạo	Y tế	Văn hoá-Thông tin-Thể thao	SN khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	4	4				4						
3	Hội Văn học - Nghệ thuật	7	7				7						
4	Hội Nhà báo	1	1				1						
5	Hội Luật gia	4	4				4						
6	Liên minh Hợp tác xã	14	14				14						
7	Hội Khuyến học	2	2				2						
8	Hội Người mù	4	4				4						
9	Hội Chữ thập đỏ	10	10				10						
10	Hội Đông y	4	4				4						
V	Dự phòng	20	20				20						
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30,125</b>	<b>27,698</b>	<b>23,650</b>	<b>2,539</b>	<b>550</b>	<b>959</b>	<b>2,427</b>	<b>501</b>	<b>1,809</b>	<b>40</b>	<b>77</b>	



### Phụ lục III



## BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỔ SUNG NĂM HỌC 2022 - 2023

(Ngoài số biên chế viên chức giao tại Phụ lục II)

(Kèm theo Quyết định số 2715/QĐ-UBND ngày 18/12/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị, địa phương	Biên chế bổ sung năm học 2022 - 2023
1	2	4
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>142</b>
<b>I</b>	<b>UBND cấp huyện</b>	126
1	Bắc Trà My	28
2	Duy Xuyên	0
3	Đại Lộc	9
4	Đông Giang	12
5	Điện Bàn	4
6	Hiệp Đức	16
7	Hội An	0
8	Nam Giang	2
9	Nam Trà My	18
10	Nông Sơn	0
11	Núi Thành	0
12	Phú Ninh	0
13	Phước Sơn	0
14	Quế Sơn	2
15	Tam Kỳ	8
16	Tây Giang	0
17	Thăng Bình	17
18	Tiên Phước	10
<b>II</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>16</b>